TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày: 11-01-2018
V/v "T/c mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Bà Phan Thị Ngọc Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2017/TLST-DS ngày 24/10/2017 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2017/QĐST - DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2017/QĐST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983; địa chỉ ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ đường C, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Lâm Minh T, sinh năm 1983; HKTT ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; địa chỉ hiện nay ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng có đơn).

3.2. Ông Huỳnh Phúc H; địa chỉ đường C, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Trong năm 2012, bà T nhiều lần bán thức ăn nuôi tôm cho bà T. Việc mua bán giữa hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, thời gian trả tiền là ngay sau khi thu hoạch xong vụ tôm. Tính đến ngày 03/10/2012, bà T còn nợ lại số tiền 30.000.000 đồng. Do bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận nên bà T gởi đơn yêu cầu giải quyết. Sau buổi hòa giải tại địa phương, trong năm 2013, bà T trả được số tiền 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 20.000.000 đồng. Mặc dù bà T nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T vẫn cố tình vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, bà T yêu cầu bà T và ông H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng và tính lãi 27 tháng (tính T ngày 15/02/2015) với mức lãi suất 1%/tháng (27 tháng x 1%/tháng x 20.000.000 đồng) là 5.400.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 28/11/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thừa nhận trong năm 2012, bà và chồng là ông Huỳnh Phúc H đã nhiều lần mua thức ăn nuôi tôm của bà T. Việc giao kết hợp đồng mua bán được hai bên thỏa thuận bằng lời nói, hình thức thanh toán một lần ngay sau khi thu hoạch xong vụ tôm. Tính đến ngày 03/10/2012, vợ chồng bà còn nợ lại bà T số tiền 30.000.000 đồng. Nguyên nhân vi phạm nghĩa vụ thanh toán thời điểm này là do việc nuôi tôm không thuận lợi, tôm chết nên không thu hồi được vốn. Sau khi hòa giải tại địa phương vợ chồng bà đã trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 20.000.000. Nay vợ chồng bà xin không trả tiền lãi 5.400.000 đồng và đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng theo hình thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa:

Ông T vắng mặt có đơn, ông H vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phúc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần

nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử mà không có lý do nên chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự. Về trách nhiệm liên đới của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Phúc H thấy rằng: mặc dù đương sự và Tòa án không cung cấp, thu thập được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà T và ông H, nhưng căn cứ vào biên bản xác minh ngày 14/11/2017 có cơ sở xác định bà T và ông H có cưới và chung sống với nhau. Trong khoảng thời gian chung sống, bà T và ông H cùng nuôi tôm và đến thời điểm hiện tại vẫn còn chung sống, cùng làm ăn với nhau. Đồng thời, bà T cũng xác định quan hệ hôn nhân giữa bà và ông H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, căn cứ vào các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng bị đơn trả số tiền 25.400.000 đồng cho nguyên đơn. Đối với của cầu của bị đơn về việc trả nợ bằng hình thức trả dần và xin không trả lãi không được nguyên đơn đồng ý và không phù hợp quy định của pháp luật nên không thể chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông Lâm Minh T vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng ông Huỳnh Phúc H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông_Huỳnh Phúc H liên đới trả số tiền 25.400.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy. Mặc dù việc giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm giữa hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói nhưng trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà T hoàn toàn thừa nhận trong năm 2012 đã nhiều lần giao kết hợp đồng mua thức ăn

nuôi tôm với bà T, thời điểm thanh toán theo thỏa thuận là ngay khi thu hoạch xong vụ tôm. Tính đến ngày 03/10/2012, do việc nuôi tôm không thuận lợi nên bà T còn nợ lại bà T số tiền 30.000.000 đồng. Đây là nợ chung của bà và ông H. Sau buổi hòa giải tại địa phương, trong năm 2013, ông H và bà T có trả cho bà T số tiền 10.000.000, hiện còn nợ lại 20.000.000. Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy bà T và ông H chung sống với nhau T năm 2001 đến nay. Trong thời gian chung sống, hai bên cùng làm ăn chung. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự, các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét việc bà T xin không trả số tiền lãi 5.400.000 đồng và yêu cầu được trả số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ không được nguyên đơn đồng ý và xét yêu cầu trên không phù hợp quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[3] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí DS-ST có giá ngạch (25.400.000đ x 5%): 1.270.000ñ (một triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H và bà T phải liên đới nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 430, 440, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Phúc H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 25.400.000đ (hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó:

- Tiền gốc: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);

- Tiền lãi (27 tháng x 1%/tháng x 20.000.000đ): 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận việc bà T xin không trả số tiền lãi 5.400.000 đồng và yêu cầu trả số tiền 20.000.000 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

2/- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 1.270.000đ (một triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Phúc H phải liên đới nộp.

Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 635.000đ (sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012417 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính T ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Ngọc Duyên